TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B B
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **12 / 2018/ DS-ST**
Ngày: **10/7/ 2018**
V/v: ***Tranh chấp hợp đồng vay***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B B-TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Voòng A Ửng
2. Bà Nguyễn Thị H

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Thị Chiêm Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B B tham gia phiên tòa :*** Ông Trần Thông, Kiểm sát viên .

Ngày **10** tháng **7** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện B B, xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 113 /2017/ TLST – DS ngày 20 tháng 12 năm 2017 về ***"Tranh chấp hợp đồng vay"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19 / 2018/ QĐXXST – DS ngày 28/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/ 2018/ QĐST – DS ngày 14/ 6 /2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: - Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1970
- Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: Dân phố 23, thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: - Ông Nguyễn Quốc A, sinh năm 1965
- Bà Giang Thị Nh, sinh năm 1964

Địa chỉ : Thôn Th B, xã HT, huyện B B, tỉnh Bình Thuận

Có mặt bà H, ông C, vắng mặt ông Nguyễn Quốc A và bà Giang Thị Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H và ông Huỳnh Văn C quen biết ông Nguyễn Quốc A và bà Giang Thị Nh thông qua một người bạn đến nhà đặt vấn đề mượn tiền để đáo hạn Ngân hàng là 120.000.000đồng rồi sẽ trả lại. Vào ngày 17/5/2017 vì tin tưởng nên cho mượn 120.000.000đồng theo như thỏa thuận. Vợ chồng ông A, bà Nh giao cho bà H, ông C giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 985514 do UBND huyện B B cấp ngày 11/10/2016 mang tên Nguyễn Quốc A và Giang Thị Nh để làm niềm

tin. Hai bên đến Phòng công chứng ThP làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Trong hợp đồng thế chấp số tiền vay 120.000.000đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất không ghi trong hợp đồng nhưng hai bên thỏa thuận 3% / tháng. Sau khi nhận tiền vay vợ chồng ông A, bà Nh trả lãi được một tháng rồi không trả nữa. Vợ chồng bà H lên nhà lấy tiền lãi không đưa và đến hạn lấy tiền gốc cũng không đưa. Vì vậy vợ chồng bà H, ông C yêu cầu vợ chồng ông A, bà Nh phải trả số tiền gốc 120.000.000đồng và lãi tính từ ngày 17/6/2017 đến ngày xét xử .

Trường hợp ông Nguyễn Quốc A và bà Giang Thị Nh không trả được số tiền nêu trên thì phát mãi tài sản thế chấp gồm:

- Nhà đất tại thửa số 50, tờ bản đồ số 11; diện tích 173,8m^2, tọa lạc tại xã PT, huyện B B, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số CC 985514 do UBND huyện B B cấp ngày 11/10/2016 thuộc quyền sở hữu / sử dụng của ông Nguyễn Quốc A và bà Giang Thị Nh.

Các tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17/5/2017 đã được công chứng tại phòng công chứng ThP QL1A, xã PRT, huyện B B và đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/5/2017 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B B.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc A và bà Giang Thị Nh tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án ông A, bà Nh vắng mặt nhưng đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án , thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông A và bà Nh vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B B phát biểu ý kiến đối với vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015 đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự trong vụ án. Về thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc vợ chồng ông Nguyễn Quốc A và bà Giang Thị Nh phải trả cho bà H, ông C số tiền gốc 120.000.000đồng và lãi tính từ ngày 17/6/2017 đến ngày 10/7/2018 theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, xét ý kiến của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt thông báo tiếp cận chứng cứ, thông báo về phiên hòa giải và các thủ tục

khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vợ chồng ông Nguyễn Quốc A và bà Giang Thị Nh vắng mặt không có lý do nên Tòa không tiến hành hòa giải được cũng như tại phiên tòa bị đơn vẫn không có mặt để tham gia phiên tòa. Do đó vợ chồng ông A, bà Nh phải chịu hậu quả pháp lý về việc không cung cấp chứng cứ nên Tòa án nhân dân huyện B B giải quyết vắng mặt vợ chồng ông A, bà Nh theo qui định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ trú tại thôn Th B, xã HT, huyện B B, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B B theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Quốc A và bà Giang Thị Nh phải trả số tiền gốc là 120.000.000đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 17/6/2017 đến ngày 10/7/2018 là 12.600.000đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án hồ sơ đã thể hiện bảng hợp đồng vay tại Phòng công chứng ThP ngày 17/5/2017 của vợ chồng bà H, ông C cho vợ chồng ông A và bà Nh vay số tiền là 120.000.000đồng. thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất không ghi trong hợp đồng chỉ thỏa thuận giữa hai bên 3% / tháng. Bên bị đơn thực hiện trả lãi 01 tháng và sau đó không trả nữa. Thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 985514 do UBND huyện B B cấp ngày 11/10/2016 mang tên Nguyễn Quốc A và Giang Thị Nh. Xét thấy hợp đồng được ký giữa hai bên thể hiện ý chí tự nguyện của các đương sự trong giao kết hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bên bị đơn đã nhận đủ tiền nhưng không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng. HĐXX xét thấy việc mượn tiền giữa hai bên thế giấy CNQSDĐ có hợp đồng , đây là hợp đồng thế chấp tài sản. Vì vậy bà Nh và ông A nên trả lại tiền, nếu không trả được số tiền nêu trên thì phát mãi tài sản thế chấp.

Từ những phân tích trên , có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 120.000.000đồng buộc vợ chồng bà Nh và ông A phải có trách nhiệm trả số tiền nợ vay gốc là **120.000.000đồng** và lãi **12.600.000đồng** theo mức lãi suất 0.875% / tháng .Tổng cộng tiền gốc và lãi vợ chồng bà Nh và ông A phải trả cho vợ chồng ông C, bà H là 120.000.000đ + 12.600.000ồng = 132.600.000đồng.

[4]Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 27, 30 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Khoản 2 Điều 26 NQ 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử*:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Huỳnh Văn C về việc buộc ông Nguyễn Quốc A và bà Giang Thị Nh phải trả cho bà H, ông C số tiền **132.600.000.000đồng** (Một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng)

- Ông Nguyễn Quốc A và bà Giang Thị Nh phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Huỳnh Văn C số tiền nợ vay **132.600.000đồng** ((Một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng).

Trường hợp Nguyễn Quốc A và bà Giang Thị Nh không trả được số tiền nêu trên thì phát mãi tài sản thế chấp gồm:

- Nhà đất tại thửa số 50, tờ bản đồ số 11; diện tích 173,8m^2, tọa lạc tại xã PT, huyện B B, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số CC 985514 do UBND huyện B B cấp ngày 11/10/2016 thuộc quyền sở hữu / sử dụng của ông Nguyễn Quốc A và bà Giang Thị Nh.

Các tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17/5/2017 đã được công chứng tại phòng công chứng ThP QL1A, xã PRT, huyện B B và đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/5/2017 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B B.

Về án phí: Ông Nguyễn Quốc A và bà Giang Thị Nh phải nộp 6.630.000đồng án phí DSST.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Huỳnh Văn C số 3.150.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015544 ngày 19/12/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự Huyện B B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND huyện B.B;
- Chi cục THADS huyện B.B;
- Các đương sự;

-Lưu HS, VP;

LÊ THỊ PHƯỢNG